



Tiểu Luận Hệ Thống Pháp Luật Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Pháp luật đại cương (Đại học Kinh tế Quốc dân)

TIỂU LUẬN
ĐỀ TÀI: HỆ THỐNG PHÁP LUẬT XÃ HỘI CHỦ
NGHĨA VIỆT NAM

Họ và tên:

Lớp:

Mã số:

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Giới thiệu tóm tắt

Theo chiều dài của lịch sử, nhiều kiểu nhà nước đã xuất hiện, cùng với đó là hình thức pháp luật gắn liền với kiểu nhà nước. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước ra đời sau cùng. Theo đó, pháp luật xã hội chủ nghĩa có vai trò to lớn đối với nhà nước. Cũng mang những đặc điểm của pháp luật xã hội chủ nghĩa, tuy nhiên, với những đặc thù về tình hình kinh tế, xã hội, sự phát triển của kỹ thuật lập pháp, hệ thống pháp luật của Việt Nam ngày càng được hoàn thiện và phát triển. Bài viết này chủ yếu tìm hiểu về hệ thống pháp luật của Việt Nam,

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo chiều dài của lịch sử, nhiều kiểu nhà nước đã xuất hiện, cùng với đó là hình thức pháp luật gắn liền với kiểu nhà nước đó: nhà nước và pháp luật chủ nô, nhà nước và pháp luật phong kiến, nhà nước và pháp luật tư sản, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa. Tùy thuộc vào đặc điểm của nhà nước, pháp luật của từng kiểu nhà nước cũng có những đặc trưng riêng. Nhìn chung, trên thế giới hiện nay có ba hệ thống pháp luật bao gồm hệ thống dân luật (civil law) - các quy định, nguyên tắc được quy định trong các văn bản pháp luật; hệ thống thông luật (common law) dựa trên các nguồn luật là án lệ được tạo ra bởi tòa án và hệ thống luật Islam giáo có tính chất đạo đức.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước ra đời sau cùng. Theo đó, pháp luật xã hội chủ nghĩa có vai trò to lớn đối với nhà nước. Đó là phương tiện chính trị để nhân dân lao động chống lại các lực lượng phản cách mạng, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội; là phương tiện thông qua đó đảng cộng sản lãnh đạo xã hội; là cơ sở pháp lý để bộ máy nhà nước chủ nghĩa tổ chức và hoạt động; là phương tiện quản lý có hiệu quả đời sống kinh tế - xã hội; có vai trò thiết lập, bảo đảm, công bằng xã hội, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa; tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho việc hình thành những quan hệ mới trong xã hội, đồng thời củng cố, mở rộng các mối quan hệ hợp tác quốc tế;...¹ Cũng mang những đặc điểm của pháp luật xã hội chủ nghĩa, tuy nhiên, với những đặc thù về tình hình kinh tế, xã hội, sự phát triển của kỹ thuật lập pháp, hệ thống pháp luật của Việt Nam ngày càng được hoàn thiện và phát triển.

Để tìm hiểu về hệ thống pháp luật của Việt Nam, bài nghiên cứu chủ yếu sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, nghiên cứu, thống kê, phân tích các vấn đề lý luận, các quy định của pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

¹ Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Đại học Luật Hà Nội, tr.385-393

Phần nội dung bài nghiên cứu được chia thành 3 phần:

I. Cơ sở lý luận về hệ thống pháp luật và hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam

II. Phân tích hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam

III. Một số đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

NỘI DUNG BÀI VIẾT

I. Cơ sở lý luận về hệ thống pháp luật và hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1. Khái niệm về hệ thống pháp luật

Có nhiều khái niệm về hệ thống pháp luật.

“Quan điểm thứ nhất, hệ thống pháp luật là tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau, được phân định thành các chế định pháp luật, các ngành luật. Nội hàm của hệ thống chỉ nói tới các quy phạm pháp luật và các tập hợp của chúng.

Quan điểm thứ hai, hệ thống pháp luật là tổng thể các quy phạm pháp luật, có nguyên tắc, mục đích và định hướng của pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau, được phân định thành các chế định pháp luật, các ngành luật và được thể hiện trong các văn bản quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành theo trình tự và hình thức thống nhất.

Quan điểm thứ ba, hệ thống pháp luật là tổng thể gồm tất cả các quy phạm pháp luật, có thiết chế bảo vệ và bảo đảm việc thực thi pháp luật, các hoạt động thực hiện pháp luật, các nguồn lực pháp luật và hoạt động đào tạo luật của quốc gia có sự liên hệ gắn bó chặt chẽ và thống nhất với nhau, tác động qua lại lẫn nhau và được vận hành theo những trật tự, quy trình nhất định”².

Dù được hiểu theo cách nào, khái niệm về hệ thống pháp luật cũng bao gồm những nội dung nhất định và có thể được hiểu như sau: Hệ thống pháp luật là bao gồm pháp luật (toàn bộ các quy định pháp luật được tập hợp, sắp xếp thành những cấu trúc khác nhau theo những trật tự nhất định) và các mối liên hệ giữa chúng.

2. Đặc điểm của hệ thống pháp luật

² Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Đại học Luật Hà Nội, tr.469

Hệ thống pháp luật có các đặc điểm cơ bản sau:

- Hệ thống pháp luật không chỉ phụ thuộc vào ý chí của giai cấp thống trị mà còn được xây dựng phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của đất nước.

- Hệ thống pháp luật vừa đa dạng, vừa thống nhất, vừa có sự liên kết. “Các thành tố của hệ thống pháp luật không chỉ có sự gắn bó, liên hệ chặt chẽ với nhau, mà còn có sự tác động qua lại lẫn nhau, phối hợp với nhau, hỗ trợ cho nhau trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội”.

3. Cấu trúc của hệ thống pháp luật

“Hệ thống pháp luật bao gồm hệ thống cấu trúc bên trong và hệ thống cấu trúc bên ngoài:

Thứ nhất, hệ thống cấu trúc bên trong là tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau, được phân chia thành các ngành luật, mỗi ngành luật lại được tạo nên bởi một bộ phận các quy phạm pháp luật có sự thống nhất nội tại, có chung đối tượng và phương pháp điều chỉnh. Trong mỗi bộ phận quy phạm pháp luật lại được phân bổ thành những bộ phận nhỏ hơn hợp thành các chế định pháp luật và mỗi chế định pháp luật lại được hình thành từ các quy phạm pháp luật;

Thứ hai, hệ thống cấu trúc bên ngoài là tổng thể các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự luật định nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản, quan trọng. Hệ thống cấu trúc bên ngoài được phân định thành các văn bản luật và văn bản dưới luật”³.

4. Ý nghĩa của hệ thống pháp luật

- Đối với hoạt động xây dựng và thực hiện pháp luật

Hệ thống pháp luật có mối liên hệ chặt chẽ với nhau về mọi mặt như nội dung, hiệu lực, khả năng áp dụng trên thực tế,... Điều đó có nghĩa, nội dung của

³ Hệ thống pháp luật – Cấu trúc bên trong và hình thức bên ngoài, <https://hocluat.vn/he-thong-phap-luat-cau-truc-ben-trong-va-hinh-thuc-ben-ngoai-cua-phap-luat/>

các văn bản điều chỉnh các mối quan hệ pháp luật, tuy nhiên nội dung của các văn bản cần phù hợp. “Nếu quy định hay nguồn pháp luật mới ban hành mâu thuẫn, không thống nhất với các quy định hay nguồn pháp luật hiện hành thì phải sửa đổi, huỷ bỏ quy định hay nguồn pháp luật mới ban hành hoặc phải sửa đổi, huỷ bỏ các quy định hay nguồn pháp luật hiện hành để luôn đảm bảo sự vận động, phát triển và sự thống nhất của hệ thống pháp luật. Tránh hiện tượng các quy định hay nguồn pháp luật của hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, thiếu thống nhất sẽ làm cho tính khả thi thấp, khó đi vào cuộc sống”. Bên cạnh đó, nguồn luật có hiệu lực pháp lý thấp hơn không được có quy định trái với nguồn luật có hiệu lực pháp lý cao hơn và phải phù hợp với Hiến pháp. Luật pháp ban hành chỉ có ý nghĩa và phát huy vai trò khi được áp dụng vào thực tế cuộc sống. Tuy nhiên, không thể tránh khỏi những trường hợp luật được xây dựng nhằm dự phòng khả năng phát triển trên thực tế, do đó, đôi khi gây khó khăn trong quá trình áp dụng.

- Đối với việc tổ chức các thiết chế bảo đảm cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh

Pháp luật được đặt ra nhằm bảo vệ quyền lợi, lợi ích công, tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, không phải tất cả mọi cá nhân, tổ chức đều có ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật, vì thế các thiết chế bảo đảm việc thực hiện pháp luật được đặt ra. Trong các mối quan hệ dân sự, lao động,... người vi phạm chỉ phải chịu trách nhiệm trước người bị vi phạm mà hai bên không thể thương lượng, hòa giải hoặc trong các mối quan hệ hành chính, hình sự, người phạm tội chịu trách nhiệm trước nhà nước thì khi đó, các thiết chế được áp dụng như hòa giải viên, trọng tài, tòa án,....

- Đối với hoạt động đào tạo luật và nghề luật

Đào tạo luật và nghề luật là hoạt động không thể thiếu của pháp luật, bởi lẽ chính nhờ hoạt động này, việc nhận thức, nắm bắt, hiểu biết về pháp luật được

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

trau dồi và củng cố. “Với mỗi hệ thống pháp luật cần một phương pháp đào tạo luật và nghề luật khác nhau. Việc đào tạo nguồn nhân lực pháp luật phải căn cứ vào những đặc điểm của hệ thống pháp luật quốc gia, cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật hiện hành. Chẳng hạn, trong hệ thống pháp luật coi án lệ là nguồn luật chủ yếu sẽ có phương pháp, cách thức đào tạo nguồn nhân lực pháp luật và những người làm nghề luật khác với hệ thống pháp luật có nguồn luật chủ yếu là văn bản quy phạm pháp luật”.

5. Khái niệm về hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam

“Hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam được hiểu là một tập hợp gồm tổng thể các quy định pháp luật quốc gia có sự liên kết, gắn bó chặt chẽ thống nhất, nội tại với nhau, được cấu trúc (phân định) thành những tập hợp bộ phận nhỏ hơn phù hợp với tính chất và đặc điểm của các quan hệ xã hội mà chúng điều chỉnh”.⁴

Cũng như các hệ thống pháp luật khác, hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam có lịch sử riêng của mình, gắn liền với đặc điểm của đất nước về lịch sử, dân cư, địa lý,... đồng thời, chúng có sự thống nhất với nhau. Sự thống nhất và phát triển của hệ thống kinh tế Việt Nam dựa trên cơ sở các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa mà vai trò chủ đạo là kinh tế nhà nước. Sự thống nhất giữa các lực lượng trong xã hội dựa trên khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam, sự thống nhất về lợi ích của giai cấp công nhân, nông dân, trí thức và những người lao động khác. Sự thống nhất của hệ thống chính trị Việt Nam biểu hiện ở mục đích cuối cùng, ở nhiệm vụ và nội dung hoạt động cơ bản của các thành tố trong hệ thống chính trị là Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các tổ chức thành viên. Sự liên kết chặt chẽ và tác động qua lại của tất cả các hình thái ý thức xã hội ở Việt Nam như chính trị, pháp luật, đạo đức, thẩm mỹ mà cơ sở của chung là chủ nghĩa Mac Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

II. Phân tích hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam

⁴ Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Đại học Luật Hà Nội, tr.560

[Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com](http://luanvantot.com)

1. Cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật - Hệ thống các ngành luật

“Hệ thống các ngành luật là tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất và phối hợp với nhau được phân chia thành các chế định pháp luật và các ngành luật.

a) Quy phạm pháp luật

Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị để điều chỉnh các quan hệ xã hội. Quy phạm pháp luật thường được trình bày theo một cơ cấu nhất định, gồm 3 bộ phận cấu thành là giả định, quy định và chế tài.

Giả định là bộ phận của quy phạm pháp luật nêu lên phạm vi tác động của quy phạm pháp luật, tức là trong đó nêu rõ những hoàn cảnh, điều kiện có thể xảy ra trong cuộc sống và các cá nhân, tổ chức nào ở vào hoàn cảnh điều kiện đó phải chịu sự chi phối của quy phạm pháp luật đó. Nội dung bộ phận giả định của quy phạm pháp luật thường đề cập đến chủ thể, phạm vi thời gian, không gian, những trường hợp, hoàn cảnh, điều kiện nhất định của đời sống xã hội... Phần giả định giúp ta trả lời được câu hỏi: Ai (cá nhân, tổ chức nào)? Khi nào? Trong hoàn cảnh, điều kiện nào?

Quy định là bộ phận của quy phạm pháp luật, trong đó nêu lên cách xử sự mà chủ thể khi ở vào hoàn cảnh, điều kiện đã xác định trong bộ phận giả định của quy phạm pháp luật được phép, không được phép hoặc buộc phải thực hiện. Bộ phận quy định của quy phạm pháp luật thường trả lời cho câu hỏi như: Được làm gì? Không được làm gì? Phải làm gì? Làm nh thế nào?

Chế tài là bộ phận của quy phạm pháp luật nêu lên những biện pháp tác động mà nhà nước dự kiến sẽ áp dụng đối với chủ thể đã không thực hiện đúng bộ phận quy định của quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo cho pháp luật được

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

thực hiện nghiêm minh. Bộ phận chế tài trả lời cho câu hỏi: Hậu quả như thế nào nếu không thực hiện đúng bộ phận quy định của quy phạm pháp luật”.⁵

Ví dụ: “Người nào quảng cáo gian dối về hàng hoá, dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.” Trong quy phạm pháp luật này,

Giả định là: “Người nào”

Quy định là: “Quảng cáo gian dối về hàng hoá, dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm”

Chế tài là: “thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

“Bộ phận chế tài của quy phạm pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo ra cơ chế đảm bảo để cho pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh trên thực tế. Những biện pháp tác động mà nhà nước dự kiến sẽ áp dụng đối với chủ thể không chấp hành đúng yêu cầu của bộ phận quy định, phần lớn các biện pháp tác động này mang tính cưỡng chế và gây ra hậu quả bất lợi đối với chủ thể vi phạm pháp luật.

Căn cứ vào tính chất của các biện pháp tác động và các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp đó mà ta có thể phân chia chế tài quy phạm pháp luật thành các loại: chế tài hình sự, chế tài hành chính, chế tài dân sự, chế tài kỷ luật.

b) Chế định pháp luật

5 Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Đại học Luật Hà Nội, tr.235

Chế định pháp luật là một tập hợp được cấu trúc từ nhóm các quy phạm pháp luật điều chỉnh nhóm quan hệ xã hội có liên quan mật thiết với nhau thuộc cùng một loại”⁶.

c) Ngành luật

Ngành luật là tổng hợp các chế định pháp luật điều chỉnh các nhóm quan hệ xã hội cùng tính chất. Một số nhóm quan hệ xã hội có cùng tính chất hợp thành đối tượng điều chỉnh của một ngành luật.

d) Hệ thống các ngành luật của nước ta hiện nay

Nước ta hiện nay có các ngành luật cụ thể như sau:

“- Luật Nhà nước là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội quan trọng nhất gắn liền với việc tổ chức quyền lực nhà nước. Đối tượng điều chỉnh của luật hiến pháp là những quan hệ xã hội quan trọng liên quan đến việc tổ chức quyền lực nhà nước như nguồn gốc của quyền lực nhà nước, bản chất của nhà nước, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của cơ quan nhà nước,... Phương pháp điều chỉnh của luật hiến pháp là phương pháp định nghĩa bắt buộc, quyền uy áp đặt.

- Luật hành chính gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội hình thành trong quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động chấp hành – điều hành của Nhà nước trên từng lĩnh vực của đời sống xã hội. Đó là những quan hệ xã hội nảy sinh trong quá trình quản lý nhà nước. Phương pháp điều chỉnh đặc trưng của luật hành chính là phương pháp quyền uy mệnh lệnh: Quyền lực phục tùng.

- Luật hình sự gồm những quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội nhằm xác định những hành vi nguy hiểm nào cho xã hội là tội phạm đồng thời quy định các hình phạt đối với người có hành vi phạm tội. Phương pháp điều chỉnh là phương pháp quyền uy.

⁶ Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Đại học Luật Hà Nội, tr.300

- Luật tố tụng hình sự gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong việc điều tra, truy tố, xét xử và quá trình kiểm sát việc điều tra, truy tố, xét xử những vụ án hình sự. Phương pháp điều chỉnh là phương pháp quyền uy và phối hợp.

- Luật dân sự gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ tài sản dưới hình thức hàng hóa – tiền tệ và một số quan hệ nhân thân trên nguyên tắc bình đẳng, độc lập của các chủ thể tham gia vào quan hệ đó. Phương pháp điều chỉnh là cách thức tác động mang tính bình đẳng về mặt pháp lý giữa các chủ thể tham gia.

- Luật tố tụng dân sự gồm những quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ giữa cơ quan xét xử, viện kiểm sát nhân dân các cấp, đương sự và những người tham gia khác trong quá trình điều tra và xét xử những vụ án dân sự.

- Luật hôn nhân và gia đình gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội trong hôn nhân và gia đình (quan hệ nhân thân, quan hệ tài sản phát sinh do việc kết hôn giữa nam và nữ).

- Luật kinh tế là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình quản lý và lãnh đạo hoạt động kinh tế của Nhà nước, cũng như trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức, đơn vị kinh tế.

- Luật lao động gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh giữa người lao động, người sử dụng lao động (cá nhân hoặc tổ chức) trong các quan hệ trực tiếp làm ra của cải vật chất cho xã hội.

- Luật đất đai gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội hình thành trong lĩnh vực bảo vệ và quản lý và sử dụng đất.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

- Luật tài chính gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực hoạt động thu chi tài chính của Nhà nước.”⁷

Bên cạnh các ngành luật trên còn có các ngành luật khác như an sinh xã hội, luật môi trường,...

2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (hình thức biểu hiện bên ngoài của hệ thống pháp luật)

“Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật là hình thức biểu hiện mối liên hệ bên ngoài của pháp luật bằng các loại văn bản quy phạm pháp luật có giá trị cao thấp khác nhau do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành theo một trình tự và thủ tục do pháp luật quy định, nhưng đều tồn tại trong thể thống nhất”.⁸

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật gồm các văn bản có giá trị pháp lý như sau:

“- Hiến pháp là đạo luật cơ bản có hiệu lực pháp lý cao nhất trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật.

- Các Đạo luật (Bộ luật) là các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội ban hành để cụ thể hóa Hiến pháp. Đạo luật và Bộ luật đều là những văn bản có giá trị pháp lý cao, chỉ đứng sau Hiến pháp.

- Nghị quyết của Quốc hội thường được ban hành để giải quyết các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng thường mang tính chất cụ thể.

- Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội có giá trị pháp lý thấp hơn các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội ban hành.

- Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước: theo Hiến pháp 2013, Chủ tịch nước ban hành lệnh để công bố Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh; ban hành quyết định để

⁷ Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Đại học Luật Hà Nội, tr.480-482

⁸ Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Đại học Luật Hà Nội, tr.350

giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của mình như quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, quyết định đại xá,...

- Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị của thủ tướng Chính phủ.

Các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ có giá trị pháp lý thấp hơn Pháp lệnh và Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Quyết định, Chỉ thị, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ có giá trị pháp lý thấp hơn các văn bản của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

- Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định, chỉ thị, thông tư của Viện trưởng VKSND tối cao;

- Nghị quyết, thông tư liên tịch giữa các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với tổ chức chính trị – xã hội.

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp.

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phải phù hợp và không được trái hoặc mâu thuẫn với văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan Nhà nước Trung ương, với nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp trên và Ủy ban nhân dân cấp trên.

- Quyết định, chỉ thị của UBND và Chủ tịch UBND các cấp.

Quyết định, chỉ thị của UBND và Chủ tịch UBND cấp nào thì có giá trị pháp lý trong địa hạt của cấp đó”.⁹

Theo Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015: “Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó

⁹ Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật – Đại học Luật Hà Nội, tr.11

đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật mới không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi xảy ra, trước ngày văn bản có hiệu lực thì áp dụng văn bản mới. Việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật trong nước không được cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trong nước và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp”.

III. Một số đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam

Rõ ràng, hệ thống pháp luật nước ta ngày càng được mở rộng và phát triển, giải quyết được nhiều vấn đề trong cuộc sống. Tuy nhiên, cùng với xu thế đó, do kỹ thuật lập pháp còn non trẻ, không thể không tránh khỏi những thiếu sót, sơ suất và những văn bản quy định pháp luật vẫn đang từng ngày trở nên hoàn thiện hơn. Bên cạnh đó, cơ chế phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình xây dựng, áp dụng, thực thi pháp luật vẫn còn nhiều hạn chế. Thời kỳ công nghệ 4.0 hiện nay, tri thức ngày càng được mở rộng, ý thức người dân ngày càng được nâng cao, điều này càng đặt ra thách thức cho việc xây dựng pháp luật phù hợp với thực tế cuộc sống và có nhiều ý nghĩa. Để làm được điều đó, có một số giải pháp như sau:

“Một là, cần cụ thể hóa tư tưởng về việc hoàn thiện hệ thống pháp luật trong điều kiện tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

triển, liên chính và hành động bằng nghị quyết của Bộ Chính trị hoặc của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII

Việc ban hành Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến 2045 có ý nghĩa quan trọng đối với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền giai đoạn mới. Muốn xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền, trong đó đặc trưng cơ bản là Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật và kiến tạo phát triển bằng pháp luật, bảo đảm quyền con người, quyền công dân thì phải lấy pháp luật làm trung tâm; nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện thể chế phải luôn luôn được đặt lên hàng đầu. Trong bối cảnh thế giới có rất nhiều biến động, đặc biệt là tác động vô cùng to lớn của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mà tại thời điểm hiện nay chúng ta chưa thể lường hết được thì khó có thể trong một vài năm có thể xây dựng được một Chiến lược có tầm nhìn dài hạn như nêu trên. Do vậy, Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 48-NQ/TW và Nghị quyết 49-NQ/TW nên cân nhắc trình Bộ Chính trị ban hành Kết luận về việc tiếp tục thực hiện có bổ sung các quan điểm, định hướng về hoàn thiện hệ thống pháp luật và cải cách tư pháp của Nghị quyết 48-NQ/TW và Nghị quyết 49-NQ/TW cho giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời, cần nghiên cứu, xây dựng Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn 2045... trình Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XIII ban hành. Mặt khác, nội hàm của Chiến lược này cần bao gồm cả nội dung tổ chức thi hành pháp luật và cả cải cách tư pháp. Nghị quyết mới ban hành có thể xây dựng trên cơ sở kế thừa cấu trúc của Nghị quyết 48-NQ/TW, Nghị quyết 49-NQ/TW nhưng phát triển trên tinh thần khắc phục những điểm hạn chế của hai nghị quyết nêu trên, tiếp tục thực hiện các vấn đề mà hai nghị quyết trên đã nêu nhưng chưa triển khai hoặc triển khai chưa hiệu quả và triệt để. Chẳng hạn, vấn đề về tổ chức thi hành pháp luật đã nêu trong Nghị quyết 48-NQ/TW về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nhưng thực tiễn tổ chức thực hiện Nghị quyết 48-NQ/TW cho thấy, mảng tổ

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

chức thi hành pháp luật còn bị coi nhẹ, chưa có những giải pháp thực sự đột phá trong tổ chức thực thi, hiệu quả còn rất thấp. Chiến lược về vấn đề này cho giai đoạn tới cần đưa ra những giải pháp và công cụ thực tế hơn, đem lại hiệu quả rõ ràng hơn trong tổ chức thi hành pháp luật.

Hai là, cần đổi mới tư duy trong quá trình xây dựng pháp luật theo hướng hệ thống pháp luật kiến tạo phát triển

Nhà nước kiến tạo phát triển là Nhà nước pháp quyền, quản trị đất nước bằng pháp luật, bảo đảm các quyền con người và quyền công dân, ít can thiệp hành chính vào đời sống xã hội. Nói cách khác, muốn xây dựng một nhà nước kiến tạo phát triển thì việc trước nhất và cơ bản nhất mà Nhà nước cần làm là phải xây dựng được một hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển của hiện tại cũng như phải phù hợp với xu thế phát triển của tương lai. Hệ thống pháp luật đó cần phải được xây dựng và hoàn thiện bằng một tư duy mới đó là làm luật vì mục tiêu tạo dựng cho phát triển chứ không phải là để quản lý, giám sát theo nghĩa cai trị. Nói đúng hơn, làm luật không phải chỉ để quản lý, để bảo đảm an toàn xã hội một cách thuần túy và cứng nhắc mà phải hướng đến việc tạo dựng một môi trường, một hành lang pháp lý an toàn, thuận lợi cho sự phát triển của xã hội. Với chủ trương xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển như nêu trên thì mục tiêu kiến tạo phát triển của pháp luật cũng phải được nhận thức là mục tiêu chủ yếu. Từ đó, cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy pháp luật theo quan điểm: Pháp luật không chỉ thiết lập sự an toàn cho quản lý mà điều quan trọng hơn là kiến tạo một môi trường, một hành lang thuận lợi, dẫn dắt và thúc đẩy phát triển. Mục tiêu cuối cùng của quản lý nhà nước phải là phục vụ nhân dân và kiến tạo phát triển, không phải chỉ đơn thuần là sự an toàn cứng nhắc của xã hội”.¹⁰

Ba là, Cần đổi mới quy trình làm luật

10 TS. Phí Thị Thanh Tuyền, Trường Đại học Luật Hà Nội, <https://tcdepl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phap-luat.aspx?ItemID=711>

Có nhiều điều bất hợp lý trong quy trình xây dựng pháp luật hiện hành:

“Thứ nhất, quy trình cất khúc trong quá trình soạn thảo và trình luật. Đó là quy trình mà cơ quan soạn thảo và trình luật chỉ có trách nhiệm soạn thảo và trình dự án luật ra Quốc hội cho ý kiến lần thứ nhất, sau đó UBTVQH sẽ là cơ quan chủ trì tiếp thu, chỉnh lý và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ hai để xem xét, thông qua. Tuy nhiên, trên thực tế, một Ủy ban của Quốc hội sẽ lãnh trách nhiệm tiếp quản dự án luật đó để chủ trì nghiên cứu, tiếp thu và chỉnh lý. Vấn đề là ở chỗ, ủy ban đó lại chính là ủy ban vừa được phân công và có báo cáo thẩm tra dự án luật trước Quốc hội. Câu hỏi đặt ra là, tại sao chúng ta lại biến cơ quan thẩm tra thành cơ quan tiếp thu, trình luật? tại sao cơ quan thẩm tra lại làm thay vai của cơ quan chủ trì soạn thảo và trình luật? Về nguyên tắc, nếu một ủy ban của Quốc hội soạn thảo và đệ trình luật thì sẽ có các ủy ban khác của Quốc hội thẩm tra. Tuy nhiên, trong quy trình này, ủy ban của Quốc hội lại lấy dự án luật do chính mình thẩm tra để tiếp thu và trình thông qua mà không có ủy ban nào của Quốc hội thẩm tra lại. Trong khi đó, cơ quan chủ trì soạn thảo và trình luật bị mất vai trò và không còn tiếng nói bảo vệ quan điểm cũng như các định hướng chính sách đã được cân nhắc và lựa chọn.

Đã đến lúc chúng ta cần phải thay đổi quy trình này. Theo đó, cơ quan trình dự án luật phải được quyền chủ trì và bảo vệ quan điểm của mình trong toàn bộ quá trình soạn thảo và trình thông qua dự án luật. Còn cơ quan thẩm tra, dù đó là các ủy ban của Quốc hội hay UBTVQH thì hãy làm đúng chức năng của cơ quan thẩm tra, giúp Quốc hội xem xét, thậm chí có thể đề nghị Quốc hội không thông qua một dự án luật là điều hoàn toàn có thể xảy ra nhưng không nên làm thay và tước đi quyền của cơ quan soạn thảo dự án luật. Quyền lập pháp vẫn luôn là quyền của Quốc hội, Quốc hội có thể thông qua hoặc không thông qua bất kỳ một đạo luật nào. Thực tiễn lập pháp của những năm qua cho thấy, chúng ta đã phải trả giá cho sự bất hợp lý của quy trình nêu trên. Bài học về những sai sót của Bộ luật Hình sự năm 2015 dù có hi hữu cũng chính là bất

[Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com](#)

nguồn từ quy trình cắt khúc này. Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL vừa được trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8 vừa qua, Chính phủ đã đề xuất thay đổi quy trình nói trên, theo đó, cơ quan chủ trì soạn thảo và trình luật tiếp tục thực hiện vai trò tiếp thu và chỉnh lý dự án luật dưới sự chủ trì của UBTVQH, sau khi Quốc hội cho ý kiến lần đầu. Cơ quan thẩm tra thực hiện đúng vai trò thẩm tra và tham mưu cho Quốc hội về dự án luật. Rất tiếc là quan điểm đối mới nêu trên vẫn chưa nhận được sự đồng thuận cao trong Quốc hội. Việc thay đổi quy trình như nêu trên không phải là sự đổi vai mà là trả lại đúng vai của các cơ quan tham gia trong quy trình làm luật.

Thứ hai, quy trình một dự án luật phải được trình tại hai kỳ họp Quốc hội. Mặc dù Điều 73 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định rõ Quốc hội xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết tại một hoặc hai kỳ họp Quốc hội; trường hợp dự án luật lớn, nhiều điều, khoản có tính chất phức tạp thì Quốc hội có thể xem xét, thông qua tại ba kỳ họp. Tuy nhiên, trên thực tế thì UBTVQH ngay từ khi ban hành Nghị quyết về triển khai Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm đều xác định trước là hầu hết các dự án luật đều được trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại hai kỳ họp. Cũng từ đó sinh ra quy trình cắt khúc thành hai giai đoạn như nêu trên. Tại sao hầu hết các dự án luật đều phải trình Quốc hội tại hai kỳ họp và đều được xác định trước khi trình luật như vậy? Nếu một dự án luật được chuẩn bị tốt, bảo đảm chất lượng để thông qua lại không thể thông qua? Vì nếu dự án luật được thông qua thì sẽ đỡ tốn kém tiền bạc hơn và cũng đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của cuộc sống được sớm hơn. Có lẽ, chúng ta nên tiếp cận vấn đề này một cách thực tế và mềm dẻo hơn cho phù hợp với tinh thần của Điều 73. Hơn nữa, Điều 74 Luật Ban hành văn bản QPPL cũng quy định: Trong trường hợp dự thảo chưa được thông qua hoặc mới được thông qua một phần thì Quốc hội xem xét, quyết định việc trình lại hoặc xem xét, thông qua tại kỳ họp tiếp theo theo đề nghị của UBTVQH. Như vậy, một dự án luật có thể được xem xét, thông qua ngay trong

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

một kỳ họp của Quốc hội hay hai kỳ, thậm chí ba kỳ là quyền của Quốc hội, không nên được xấp đặt ngay từ khi lập chương trình như hiện nay. Tất cả là ở chất lượng dự án luật và yêu cầu của thực tiễn, và hãy để điều đó cho Quốc hội xem xét, quyết định”¹¹.

11 PGS.TS. ĐINH DŨNG SỸ, Văn phòng Chính phủ, Hệ thống pháp luật Việt Nam trong tiến trình đổi mới và phát triển đất nước, Ấn phẩm Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 01 (401), tháng 01/2020

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

KẾT LUẬN

Nhà nước và pháp luật là hai yếu tố song hành không thể tách rời nhau. Pháp luật nhà nước xã hội chủ nghĩa là pháp luật được hình thành do sự phát triển của kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa. Pháp luật này hình thành chịu tác động của nhiều điều kiện kinh tế, xã hội, chính trị, dân cư,... do đó nó cũng có những đặc điểm riêng và thể hiện vai trò rõ rệt trong việc quản lý đất nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

Pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một bộ phận của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Nó là tổng thể các quy định pháp luật quốc gia có sự liên kết, gắn bó chặt chẽ thống nhất, nội tại với nhau, được cấu trúc (phân định) thành những tập hợp bộ phận nhỏ hơn phù hợp với tính chất và đặc điểm của các quan hệ xã hội mà chúng điều chỉnh. Dựa trên đối tượng điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, hệ thống pháp luật được chia thành các ngành luật khác nhau. Về mặt hình thức, nó được quy định dưới dạng các văn bản pháp luật.

Dù luôn phát triển, hoàn thiện trong suốt quá trình phát triển của đất nước, hệ thống pháp luật đã đóng góp phần quan trọng, tạo hành lang pháp lý phù hợp cho các quan hệ pháp luật, tuy nhiên, đứng trước yêu cầu đòi hỏi từ thực tế cuộc sống, hệ thống pháp luật này cũng thể hiện những hạn chế nhất định. Đó là việc có quá nhiều quy định chồng chéo gây bất cập trong quá trình thực hiện, nhiều quy định chưa phù hợp với thực tế cuộc sống, điều này đặt ra yêu cầu cho các nhà lập pháp cần có những sự nghiên cứu, tìm hiểu, tham khảo, xây dựng phù hợp để pháp luật thể hiện đúng vai trò của mình một cách hiệu quả nhất.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Đại học Luật Hà Nội

Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Đại học Luật Hà Nội

Hiến pháp 2013

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015

Hệ thống pháp luật – Cấu trúc bên trong và hình thức bên ngoài,
<https://hocluat.vn/he-thong-phap-luat-cau-truc-ben-trong-va-hinh-thuc-ben-ngoai-cua-phap-luat/>

TS. Phí Thị Thanh Tuyền, Trường Đại học Luật Hà Nội,
<https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phap-luat.aspx?ItemID=711>

PGS.TS. ĐINH DŨNG SỸ, Văn phòng Chính phủ, Hệ thống pháp luật Việt Nam trong tiến trình đổi mới và phát triển đất nước, Ấn phẩm Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 01 (401), tháng 01/2020

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com